



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	.
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Căn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Lê Anh Long	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 27/04/2022)
Ông Khương Tĩnh	Thành viên (Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 27/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Căn	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Huỳnh Phước Huyền Vy, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Văn Căn, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Căn
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số: 17/2023/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2023-240-1

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.980.700.183	27.225.292.496
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.604.586.318	5.208.548.613
1. Tiền	111		2.604.586.318	5.208.548.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.836.695.890	5.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	5.836.695.890	5.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.234.002.831	2.014.759.114
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.942.287.320	1.937.906.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.483.447.495	19.916.035
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	839.579.016	88.247.332
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(31.311.000)	(31.311.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	14.305.415.144	14.501.984.769
1. Hàng tồn kho	141		14.390.396.281	14.629.292.337
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(84.981.137)	(127.307.568)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.273.887.282	23.696.415.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.721.732.325	16.230.927.086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.108.560.274	2.617.755.035
Nguyên giá	222		13.775.568.576	13.775.568.576
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.667.008.302)	(11.157.813.541)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	13.613.172.051	13.613.172.051
Nguyên giá	228		13.613.172.051	13.613.172.051
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	4.10	5.784.348.816	6.383.273.990
1. Nguyên giá	231		22.308.939.310	22.308.939.310
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(16.524.590.494)	(15.925.665.320)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		767.806.141	1.082.214.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	767.806.141	1.082.214.615
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		49.254.587.465	50.921.708.187

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.208.279.136	10.450.205.797
I. Nợ ngắn hạn	310		9.479.930.736	9.916.725.797
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	6.504.183.166	6.428.785.635
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	44.002.680	146.215.680
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.011.810.629	631.109.651
4. Phải trả người lao động	314		4.000.000	725.372.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		76.792.364	46.170.919
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	955.416.191	1.111.577.684
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	462.302.751	624.200.180
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		421.422.955	203.293.282
II. Nợ dài hạn	330		728.348.400	533.480.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	728.348.400	533.480.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.046.308.329	40.471.502.390
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	39.046.308.329	40.471.502.390
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.023.025.419	1.747.133.746
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.315.982.910	6.017.068.644
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		65.285.298	499.235.181
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.250.697.612	5.517.833.463
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		49.254.587.465	50.921.708.187



Nguyễn Văn Căn
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Lê Mạnh
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	85.448.025.318	73.807.825.810
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	814.150.179	84.411.035
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.633.875.139	73.723.414.775
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	62.059.228.926	55.144.511.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.574.646.213	18.578.903.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	428.330.013	409.422.770
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	9.560.331.189	8.321.449.254
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	3.328.106.555	4.062.762.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.114.538.482	6.604.113.990
11. Thu nhập khác	31	5.7	463.485.993	128.684.298
12. Chi phí khác	32	5.8	4.891.630.208	122.891.660
13. Lợi nhuận khác	40		(4.428.144.215)	5.792.638
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.686.394.267	6.609.906.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.435.696.655	1.092.073.165
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.250.697.612	5.517.833.463
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	1.346	1.747
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	1.346	1.747



Nguyễn Văn Căn
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

(Handwritten signature)

Lê Mạnh
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.686.394.267	6.609.906.628
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.108.119.935	1.191.050.810
Các khoản dự phòng	03	(42.326.431)	31.400.290
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(196.858.997)	(230.680.742)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.555.328.774	7.601.676.986
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.195.538.939)	(749.710.004)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	238.896.056	(3.242.290.153)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(205.905.336)	232.534.657
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	314.408.474	(15.656.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.621.484.113)	(1.121.197.464)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.000.000	7.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(69.762.000)	(390.995.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.027.942.916	2.321.361.898
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	508.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.836.695.890)	(2.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	4.500.000.000	7.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	173.154.219	286.329.320
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(163.541.671)	5.294.329.320
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.468.363.540)	(6.885.631.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.468.363.540)	(6.885.631.250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(2.603.962.295)	730.059.968
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.208.548.613	4.478.488.645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	2.604.586.318	5.208.548.613



Nguyễn Văn Cần
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Lê Mạnh
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 05 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 05 năm 2022.

Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 86 người (31/12/2021: 89).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: Sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ nghe nhìn;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- In ấn. Chi tiết: In ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia liên kết khai thác các ấn phẩm khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
1. Nhà sách Đà Nẵng	Số 76 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
2. Nhà sách Đà Nẵng 3	Số 409 Đường Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
3. Nhà sách Hòa Khánh	Số 812 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4. Nhà sách Cẩm Lệ	Số 42 Đường Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
5. Nhà sách Thanh Khê	Số 722 Đường Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
6. Nhà in	Số 98 Đường Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm 2022

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 02 – 07 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 04 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nhà cửa, vật kiến trúc

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm 2022

- | | |
|---------------------------------|----------------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất vô thời hạn | Không trích khấu hao |

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- BĐSĐT chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;
- BĐSĐT chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán;
- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động;
- Hàng tồn kho chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động;
- Bất động sản xây dựng chuyển thành BĐSĐT khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư (trong giai đoạn xây dựng phải kế toán theo Chuẩn mực kế toán – Tài sản cố định hữu hình.)

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, sách giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật,...: không chịu thuế;
- Các loại sách khác và thiết bị, văn phòng phẩm: 5% - 10%;
- Các dịch vụ khác: 8% (Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 6.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	6.271.086	20.888.302
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.598.315.232	5.187.660.311
Cộng	2.604.586.318	5.208.548.613

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	5.836.695.890	5.836.695.890	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	5.836.695.890	5.836.695.890	5.500.000.000	5.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Thiết bị trường học Sơn Trà	-	255.248.484
Nhà Sách Sông Hàn 2	100.467.556	239.253.586
Công ty TNHH QC-TCSK Liên Lạc Địa	-	453.607.560
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	839.623.931	585.000.000
Các đối tượng khác	1.002.195.833	404.797.117
Cộng	1.942.287.320	1.937.906.747
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 7	10.678.912	37.415.840

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng	1.478.026.699	-
Công ty TNHH Sách TBGD Đức Trí	-	15.460.035
Các đối tượng khác	5.420.796	4.456.000
Cộng	1.483.447.495	19.916.035

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	82.448.614	-	58.743.836	-
Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng (*)	714.869.927	-	-	-
Tạm ứng	41.032.183	-	27.915.873	-
Các khoản khác	1.228.292	-	1.587.623	-
Cộng	839.579.016	-	88.247.332	-

(*) Phải thu tiền bồi thường sách ướt ngày 14/10/2022 theo Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và mở rộng các rủi ro số 032200036/B01 với Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng ký ngày 10/03/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	31.311.000	-	31.311.000	-
Cộng	31.311.000	-	31.311.000	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khách hàng này đã dừng hoạt động kinh doanh và đã thực hiện thủ tục đóng mã số thuế.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	Trên 3 năm	31.311.000	-	Trên 3 năm
Cộng	31.311.000	-		31.311.000	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	131.072.076	-	116.131.108	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	8.241.600	-
Thành phẩm	370.015.195	-	404.364.273	-
Hàng hóa	13.889.309.010	84.981.137	14.100.555.356	127.307.568
Cộng	14.390.396.281	84.981.137	14.629.292.337	127.307.568

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 141.391.887 VND.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	7.991.497.872	2.887.561.894	2.661.352.456	235.156.354	13.775.568.576
Tại ngày 31/12/2022	7.991.497.872	2.887.561.894	2.661.352.456	235.156.354	13.775.568.576
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	5.654.251.503	2.841.916.492	2.436.327.548	225.317.998	11.157.813.541
Khấu hao trong năm	329.012.249	21.142.857	149.201.299	9.838.356	509.194.761
Tại ngày 31/12/2022	5.983.263.752	2.863.059.349	2.585.528.847	235.156.354	11.667.008.302
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	2.337.246.369	45.645.402	225.024.908	9.838.356	2.617.755.035
Tại ngày 31/12/2022	2.008.234.120	24.502.545	75.823.609	-	2.108.560.274

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ hữu hình là 1.458.677.142 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.995.749.778 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2022	13.613.172.051	13.613.172.051
Chuyển sang BĐSĐT		
Tại ngày 31/12/2022	13.613.172.051	13.613.172.051
Khấu hao:		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2022	13.613.172.051	13.613.172.051
Tại ngày 31/12/2022	13.613.172.051	13.613.172.051

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 13 tại 76-78 Đường Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE572290 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 07 năm 2011, giá trị 5.330.204.600 VND.
- Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 10 tại 42 Đường Ông Ích Đường, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258663 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 09 năm 2000, giá trị 3.277.575.560 VND.
- Thửa đất số 102a, tờ bản đồ số HK8 tại 812 Đường Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R346918 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 11 năm 2000, giá trị 890.428.369 VND.
- Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 18 tại 722 Đường Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63954 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003, giá trị 4.114.963.522 VND

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 5.330.204.600 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Bất động sản đầu tư:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	1.536.151.366	-	-	1.536.151.366
Nhà	20.772.787.944	-	-	20.772.787.944
Cộng	22.308.939.310	-	-	22.308.939.310
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	16.524.590.494	598.925.174	-	15.925.665.320
Cộng	16.524.590.494	598.925.174	-	15.925.665.320
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	1.536.151.366			1.536.151.366
Nhà	4.248.197.450			4.847.122.624
Cộng	5.784.348.816			6.383.273.990

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư là 4.248.197.450 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 8.093.001.781 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án bán 2 tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022. Theo Chứng thư Thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Sông Hàn tại thời điểm 15/03/2022, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là 17.952.000.000 VND.

- Quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại địa chỉ thửa đất số B4-27, tờ bản đồ số KT04/5 tại Đường Ngô Quyền, khu An Hòa, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI356456 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 07 năm 2007. Giá trị thẩm định bởi Công ty Cổ phần Thẩm định giá Sông Hàn là 13.297.000.000 VND. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 11.402.000.000 VND và giá trị công trình xây dựng là 1.895.000.000 VND.
- Quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại địa chỉ Thửa đất số IIIA-01, tờ bản đồ số KT04/8, số nhà 44 Đường Trần Quang Diệu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị thẩm định bởi Công ty Cổ phần Thẩm định giá Sông Hàn là 4.655.000.000 VND. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 4.341.000.000 VND và giá trị công trình xây dựng là 314.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền thuê đất (*)	652.013.750	780.278.750
Công cụ dụng cụ	115.792.391	301.935.865
Cộng	767.806.141	1.082.214.615

(*) Tiền thuê đất tại KCN Hòa Cầm theo Hợp đồng thuê số 98/2008/HĐ và phụ lục thuê lại đất số 07/2013/HĐTLĐ/IZI lập ngày 25 tháng 02 năm 2013.

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Bảo Anh	540.523.800	540.523.800	309.540.394	309.540.394
Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân	413.603.780	413.603.780	396.620.630	396.620.630
Hộ Kinh Doanh Nhà sách Hồng Ân 2	303.259.000	303.259.000	-	-
Công ty TNHH MTV TM & DV VH Minh Long	357.623.660	357.623.660	324.668.710	324.668.710
Các đối tượng khác	4.889.172.926	4.889.172.926	5.397.955.901	5.397.955.901
Cộng	6.504.183.166	6.504.183.166	6.428.785.635	6.428.785.635
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – xem thêm mục 7	34.516.027	34.516.027	-	-

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty CP Con Cưng	24.640.000	123.200.000
Các đối tượng khác	19.362.680	23.015.680
Cộng	44.002.680	146.215.680

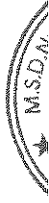
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND		VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	194.193.956	5.526.935.577	5.630.827.815	298.086.194		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	137.716.871	1.435.696.655	1.621.484.113	323.504.329		
Thuế thu nhập cá nhân	6.923.937	318.827.323	321.422.514	9.519.128		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	672.975.865	2.083.744.115	1.410.768.250	-		
Thuế, phí và các khoản nộp khác	-	1.063.146.243	1.063.146.243	-		
Cộng	1.011.810.629	10.428.349.913	10.047.648.935	631.109.651		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng	955.416.191	1.111.577.684
Cộng	955.416.191	1.111.577.684
Trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan – xem thêm mục 7	307.776.970	481.002.425

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	30.619.880	26.579.220
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	2.897.387	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	396.991.200	495.059.600
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.197.820	92.561.360
Các khoản phải trả khác	7.596.464	10.000.000
Cộng	462.302.751	624.200.180

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	728.348.400	533.480.000
Cộng	728.348.400	533.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2021	30.000.000.000	2.707.300.000	1.447.133.746	8.029.715.377		42.184.149.123
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.517.833.463		5.517.833.463
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(330.480.196)		(330.480.196)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	300.000.000	(300.000.000)		-
Chia cổ tức	-	-	-	(6.900.000.000)		(6.900.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	30.000.000.000	2.707.300.000	1.747.133.746	6.017.068.644		40.471.502.390
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.250.697.612		4.250.697.612
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(275.891.673)		(275.891.673)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	275.891.673	(275.891.673)		-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(5.400.000.000)		(5.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	30.000.000.000	2.707.300.000	2.023.025.419	4.315.982.910		39.046.308.329

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Nguyễn Văn Cẩn	7.143.950.000	7.143.950.000
Ông Thái Văn May	3.516.900.000	3.516.900.000
Ông Lê Trường Kỳ	11.118.800.000	11.118.800.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	3.220.350.000	3.220.350.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000

4.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
<i>Bao gồm:</i> <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là</i> <i>vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
<i>Bao gồm:</i> <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là</i> <i>vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND / Cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty	4.250.697.612	5.517.833.463
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(212.534.881)	(275.891.673)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.038.162.731	5.241.941.790
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.346	1.747

4.17.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.250.697.612	5.517.833.463
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(212.534.881)	(275.891.673)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.038.162.731	5.241.941.790
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.346	1.747

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 và 2021 được tính là lợi nhuận sau thuế trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch được nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022.

4.17.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 với số tiền 5.400.000.000 VND (tương đương 18% vốn điều lệ).

4.17.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	1.747.133.746
Trích trong năm	275.891.673
Tại ngày 31/12/2022	2.023.025.419

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	75.804.585.237	65.134.234.983
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.643.440.081	8.673.590.827
Cộng	85.448.025.318	73.807.825.810
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	2.093.484.714	2.070.325.060

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	567.752.085	-
Hàng bán bị trả lại	246.398.094	84.411.035
Cộng	814.150.179	84.411.035

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.728.083.025	50.708.631.059
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.625.078.811	1.711.164.405
Giá vốn của bất động sản đầu tư	2.629.783.388	2.472.461.642
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	156.209.383	220.854.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho/ hoàn nhập dự phòng	(42.326.431)	31.400.290
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (giảm 50% phí sử dụng hạ tầng KCN Hòa Cầm năm 2021)	(37.599.250)	-
Cộng	62.059.228.926	55.144.511.580

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	196.858.997	235.240.278
Doanh thu hoạt động tài chính khác	231.471.016	174.182.492
Cộng	428.330.013	409.422.770

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.642.157.624	6.044.479.098
Chi phí vật liệu, bao bì	133.500.083	103.013.726
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	90.709.751	79.599.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	326.170.625	326.170.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.028.432.590	1.519.282.121
Chi phí bằng tiền khác	339.360.516	248.903.926
Cộng	9.560.331.189	8.321.449.254

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.443.282.299	1.959.658.505
Chi phí đồ dùng văn phòng	95.089.401	74.030.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.881.279	179.042.923
Thuế, phí và lệ phí	76.705.813	48.118.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.511.354	243.192.316
Chi phí trợ cấp thôi việc	96.707.500	1.265.426.400
Chi phí bằng tiền khác	201.928.909	293.293.436
Cộng	3.328.106.555	4.062.762.721

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	19.500.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	27.433	148.234
Hoa hồng viễn thông	13.524.860	14.732.045
Chênh lệch công nợ	44.759.756	7.414.089
Thanh lý vật tư, công cụ	-	16.719.091
Thu vận chuyển, lắp ráp, giao nhận	-	61.174.982
Thu tổ chức thị trường sách giáo khoa mới	310.002.664	-
Các khoản khác	95.171.280	8.995.857
Cộng	463.485.993	128.684.298

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.559.536
Chi phí thanh lý HTK, CCDC	12.354.145	40.770.935
Chi phí phạt thuế và chậm nộp thuế	3.344.301.271	-
Tiền thuê đất giai đoạn 2017-2021 phải nộp bổ sung	1.345.951.730	-
Chi phí khác	189.023.062	77.561.189
Cộng	4.891.630.208	122.891.660

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	898.142.889	877.900.962
Chi phí nhân công	9.757.155.776	8.685.129.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.108.119.935	1.191.050.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.579.649.640	3.946.829.403
Chi phí bằng tiền khác	853.986.859	1.878.897.268
Cộng	17.197.055.099	16.579.807.509

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.686.394.267	6.609.906.628
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.781.108.102	1.190.615.980
- Thù lao HĐQT và BKS	258.000.000	126.000.000
- Phí niêm yết	15.000.000	15.000.000
- Chi phí giá vốn vượt định mức	156.182.383	220.854.184
- Chi trợ cấp thôi việc ngoài chế độ	-	824.447.400
- Truy thu, phạt chậm nộp thuế theo quyết định số 1634/QĐ-CTDAN ngày 25/05/2022 (*)	3.344.301.271	-
- Chi phí khác	7.624.448	4.314.396
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	9.467.502.369	7.800.522.608
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.893.500.474	1.560.104.522
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	-	(468.031.357)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.435.696.655	1.092.073.165
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.893.500.474	2.028.135.879
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (*)	(457.803.819)	-

(*) Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 1634/QĐ-CTDAN ngày 25/05/2022 và quyết định bổ sung số 1916/QĐ-CTDAN ngày 03/06/2022 của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, in ấn;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ.

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	75.804.585.237	65.134.234.983	9.643.440.081	8.673.590.827	85.448.025.318	73.807.825.810
Các khoản giảm trừ doanh thu	814.150.179	84.411.035	-	-	814.150.179	84.411.035
Cộng	74.990.435.058	65.049.823.948	9.643.440.081	8.673.590.827	84.633.875.139	73.723.414.775
Chi phí kinh doanh						
Giá vốn hàng bán	59.467.044.788	52.672.049.938	2.592.184.138	2.472.461.642	62.059.228.926	55.144.511.580
Chi phí không phân bổ					12.888.437.744	12.384.211.975
Cộng	59.467.044.788	52.672.049.938	2.592.184.138	2.472.461.642	74.947.666.670	67.528.723.555
Kết quả HĐKD					9.686.208.469	6.194.691.220
Doanh thu Hoạt động tài chính					428.330.013	409.422.770
Chi phí tài chính					-	-
Thu nhập khác					463.485.993	128.684.298
Chi phí khác					4.891.630.208	122.891.660
Lãi (lỗ) hoạt động khác					(4.428.144.215)	5.792.638
Lợi nhuận trước thuế TNDN					5.686.394.267	6.609.906.628
Chi phí thuế TNDN hiện hành					1.435.696.655	1.092.073.165
Lợi nhuận sau thuế TNDN					4.250.697.612	5.517.833.463

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tài sản cố định của bộ phận Tài sản không phân bổ	15.721.732.325	16.230.927.086	4.248.197.450	4.847.122.624	19.969.929.775 29.284.657.690	21.078.049.710 29.843.658.477
Tổng tài sản					49.254.587.465	50.921.708.187
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	6.694.289.761	7.475.685.580	2.080.755.791	2.140.117.284	8.775.045.552 1.433.233.584	9.615.802.864 834.402.933
Tổng nợ phải trả					10.208.279.136	10.450.205.797

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khấu hao	509.194.761	592.125.636	598.925.174	598.925.174	1.108.119.935	1.191.050.810

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO
2. Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Din Capital
3. Công ty CP KOMIYAMA Việt Nam
4. Công ty CP Đầu tư Plutus Việt Nam
5. Công ty CP Quản lý Dự án DAC
6. Công ty CP DINCO Sài Gòn
7. Công ty CP Xây dựng Fi Di
8. Công ty CP Bê tông DUFAGO Chu Lai
9. Công ty TNHH MTV Rofadi
10. Công ty TNHH Go-Working
11. Công ty TNHH Nguyễn Huy
12. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO là thành viên HĐQT của Công ty

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Din Capital là Thành viên HĐQT của Công ty

Cổ động lớn của Công ty CP KOMIYAMA Việt Nam là Thành viên HĐQT của Công ty

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Plutus Việt Nam là Thành viên HĐQT của Công ty

Cổ động lớn của Công ty CP Quản lý Dự án DAC là Chủ tịch HĐQT của Công ty

Chủ tịch HĐQT Công ty CP DINCO Sài Gòn là Thành viên HĐQT của Công ty

Cổ động lớn của Công ty CP Xây dựng Fi Di là Chủ tịch HĐQT của Công ty

Tổng Giám đốc Công ty CP Bê tông DUFAGO Chu Lai là Chủ tịch HĐQT của Công ty

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Rofadi là Chủ tịch HĐQT Công ty

Giám đốc là thành viên cùng gia đình

Giám đốc là thành viên cùng gia đình

Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	10.678.912	22.404.800
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Din Capital	-	15.011.040
Cộng - Xem thêm mục 4.3	10.678.912	37.415.840
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	34.516.027	-
Cộng - Xem thêm mục 4.13	34.516.027	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	307.776.970	307.776.970
Công ty TNHH Go-Working	-	173.225.455
Cộng - Xem thêm mục 4.15	307.776.970	481.002.425
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	1.250.083.800	1.313.251.784
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Din Capital	-	43.420.000
Công ty TNHH Nguyễn Huy	33.142.909	35.490.909
Công ty TNHH Go-Working	810.258.005	678.162.367
Cộng - Xem thêm mục 5.1	2.093.484.714	2.070.325.060
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	2.033.341.505	1.519.734.989
Cộng	2.033.341.505	1.519.734.989
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chia cổ tức		
Ông Lê Trường Kỳ	2.001.384.000	2.557.324.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	900.000.000	1.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Cẩn	1.285.911.000	1.643.108.500
Cộng	4.187.295.000	5.350.432.500

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Cần	PCT HĐQT, Giám đốc	36.000.000	18.000.000
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên HĐQT, P.GĐ	36.000.000	18.000.000
Ông Lê Anh Long	Thành viên HĐQT	36.000.000	18.000.000
Ông Huỳnh Nguyễn Văn	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	14.400.000
Ông Khương Tịnh	Thành viên BKS	30.000.000	14.400.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS	30.000.000	14.400.000
Cộng		270.000.000	133.200.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Văn Cần	PCT HĐQT, Giám đốc	309.441.300	209.440.643
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên HĐQT, P.GĐ	161.683.627	132.910.577
Ông Lê Mạnh	Kế toán trưởng	165.628.333	134.072.115
Cộng		636.753.260	476.423.335

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi năm:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	9.643.440.081	8.673.590.827

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Từ 1 năm trở xuống	955.416.191	1.111.577.684
Cộng	955.416.191	1.111.577.684

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Căn
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Lê Mạnh
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh
Người lập



CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG

Mã chứng khoán: BED

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Đà Nẵng

**GIẢI TRÌNH
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022
GIẢM SO VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2021**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty có lợi nhuận sau thuế là 4.250.697.612 đồng, giảm 22,96% - tương ứng giảm 1.267.135.851 đồng so với năm 2021 (Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là: 5.517.833.463 đồng) là do những nguyên nhân sau:

Về doanh thu và lợi nhuận gộp:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng so với năm 2021 là 10.910.460.364 đồng, tương ứng tăng 14,80%. Trong đó

Doanh thu các mặt hàng tăng là sách các loại, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, đồ chơi trẻ em, và cho thuê văn phòng.

Doanh thu các mặt hàng giảm là sản phẩm in và in gia công sách.

Doanh thu từ hoạt động bán lẻ của các nhà sách công ty tăng, doanh thu từ hoạt động bán sỉ giảm nhẹ.

Việc tăng giảm doanh thu so với cùng kỳ là do những nguyên nhân chính như sau:

Các doanh nghiệp trên địa bàn hoạt động tốt hơn nên doanh thu cho thuê văn phòng và mặt hàng văn phòng phẩm tăng nhiều, góp phần làm tăng trưởng doanh số.

Nhu cầu tăng đối với sách tham khảo phục vụ giáo dục và học tập, sách dành cho thiếu nhi cũng làm cho mảng sách tăng lên. Nhưng Sách giáo khoa thay đổi không đáng kể.

Từ những lý do trên làm cho lợi nhuận gộp năm 2022 tăng so với năm 2021 là: 3.995.743.018 đồng, tương ứng tăng 21,51%.

Về chi phí:

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 so với năm 2021 tăng 504.225.769 đồng - tương ứng tăng 9,14%.

Các khoản mục chi phí tăng là: điện, sửa chữa, vận chuyển, trích lương, tiền thuê đất...

Các khoản mục chi phí giảm là: khấu hao, cơm ca, tiếp khách, công cụ dụng cụ...

Chi phí khác tăng 4.768.738.548 đồng. Trong đó phát sinh chủ yếu là do nộp bổ sung tiền thuế GTGT từ chuyển nhượng nhà và đất tại TP Hồ Chí Minh, tiền thuê đất nhà nước giai đoạn 2017-2021 theo thông báo của Cơ quan thuế.

Trên đây là những giải trình về nguyên nhân làm lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty giảm so với năm 2021.

Công ty kính giải trình.

NGƯỜI LẬP

Nơi gửi:

Như trên
Lưu HC-TC


Lê Mạnh

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Văn Cần